TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản;
bồi thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Nam Dương;

Bà Phạm Thị Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tâm – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp đòi lại tài sản; bồi thường thiệt hại về tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 16, ấp A, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn N: Luật sư Trần V, sinh năm 1972. Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

- *Các bị đơn*:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chủ tịch UBND xã C: Ông Phan Th – Phó chủ tịch UBND xã C (theo giấy ủy quyền số 05/GUQ-UBND ngày 26/10/2018).

Ông Phan Văn P, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 19, ấp M, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Chau V, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 12, ấp A, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người phiên dịch tiếng khmer: Ông Chau S, cán bộ Văn phòng trợ giúp pháp lý Chi nhánh huyện TT.

Tại phiên tòa: Ông N, ông P, ông V có mặt; ông Th, ông V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 23 tháng 5 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Văn N trình bày:

Khoảng 16 giờ, ngày 17 tháng 01 năm 2018 ông N đang bơm nước vào ruộng, thì ông P đến ngăn cản và yêu cầu ông N tắt máy bơm, nên hai bên phát sinh tranh chấp. Sau khi sự việc xảy ra ông N tắt máy về nhà thì ông P thực hiện hành vi kéo chiếc trẹt của ông N về nhà tạm giữ và các tài sản khác gồm: 01 máy bơm nước hiệu Vikino 70; 03 can dầu chạy máy bơm nước; 10 bao phân. Ông N yêu cầu ông P trả lại các tài sản nêu trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền thuê trẹt 12.000.000đ.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 ông Lê Văn N bổ sung yêu cầu khởi kiện: về việc ông P thu giữ tài sản của ông N theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, khi tiến hành thu giữ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã không tiến hành lập biên bản nên yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và ông P trả lại tài sản và bồi thường các thiệt hại nêu trên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 ông Lê Văn N làm đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C. Do ông N đã nhận lại chiếc máy bơm nước hiệu Vikino 70 và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn P về yêu cầu đòi lại tài sản là 01 máy bơm nước hiệu Vikino 70.

Tại phiên tòa: Ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu đối với bị đơn là ông Phan Văn P phải có trách nhiệm trả lại tài sản: 03 can dầu chạy máy bơm nước (01 can 30 lít có giá 450.000đ x 03) = 1.350.000đ; 10 bao phân bón gồm: 05 bao phân Đạm Cà Mau giá 360.000đ/bao x 05 = 1.800.000đ; 05 bao phân DAP Philippine trắng sọc vàng giá 690.000đ/bao x 05 = 3.450.000đ. Tổng giá trị tài sản 6.600.000đ và ông Phan Văn P phải bồi thường thiệt hại tiền thuê Trẹt tính từ ngày ông P tạm giữ chiếc trẹt là ngày 17/01/2018 đến ngày ông P trả chiếc trẹt cho ông Chau V ngày 22/6/2018 là trên 05 tháng nhưng ông N chỉ yêu cầu thanh toán đúng 04 tháng (Do ông N đã thanh toán tiền thuê trẹt cho ông V 04 tháng) giá thuê 3.000.000đ/tháng x 04 = 12.000.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn N, Luật sư Trần Tiến V trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông N, yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn P trả lại tài sản: 03 can dầu chạy máy bơm nước; 10 bao phân bón và bồi thường thiệt hại do ông P tự ý tạm giữ chiếc trẹt với số tiền 12.000.000đ.

- Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và tại phiên tòa bị đơn là ông Phan Văn P trình bày: Ông xác nhận ngày 17/01/2018 có xảy ra tranh chấp với ông N về việc ông N tự ý đặt máy bơm nước vào ruộng mà chưa có sự đồng ý của ông P, vì toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trong khu vực có cả đất của ông N thuộc diện bơm điện do ông P khai thác. Ông P đã trình báo với chính quyền địa phương nhờ can thiệp, khi đến ruộng để giải quyết thì ông N tự ý bỏ về để lại máy bơm nước và trẹt, do sợ mất tài sản của ông N nên ông P đã tự ý đem chiếc trẹt tạm giữ, ông Phú có báo với Công an xã C mời ông N để giao trả tài sản, ông N đến nhưng không nhận trẹt vì cho rằng trên trẹt còn có phân bón và dầu chạy máy bơm nước. Tuy nhiên ông P cho rằng chỉ tạm giữ trẹt không có các tài sản khác. Ông P đã trả trẹt cho ông Chau V vào ngày 22/6/2018 và máy bơm nước hiệu vikino 70 ông N đã nhận lại. Còn phân bón; dầu chạy máy có trên trẹt ông không biết và tiền thuê trẹt ông P cũng không đồng ý trả cho ông N.

- Tại biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C do ông Phan Th Phó chủ tịch trình bày: Sự việc giữa ông N và ông P tranh chấp với nhau thì Ban ấp M có trình báo và ban ấp có cử Tổ trưởng đến khu vực hai bên tranh chấp thì phát hiện có một chiếc máy bơm nước đặt cản trở không cho ông P bơm nước vào ruộng cho các hộ nông dân, sau đó các anh em có khiên máy ra chỗ khác và tạm giữ do không biết là tài sản của ai, về sau mới biết chiếc máy đặt ngang nhiên không cho ông P bơm nước là của ông N. Hiện nay máy bơm nước hiệu Vikino 70 đang tạm giữ nhà ông Ph (tổ trưởng tổ 09, ấp M) thống nhất giao trả lại cho ông N. Còn số tài sản ông N bị mất thì Ủy ban không rõ do ông N không trình báo về sự việc này. Nên không có trách nhiệm phải trả cho ông N.

- Tại biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chau V trình bày: Ông N đã thuê trẹt của ông V để chở máy bơm nước vào ruộng với giá thuê mỗi tháng 3.000.000đ, ông N đã thanh toán cho ông 04 tháng tiền thuê trẹt bằng 12.000.000đ, Ngày 22/6/2018 ông P đã trực tiếp giao trả chiếc trẹt cho ông V nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

- Ông Lê Văn N giữ nguyên yêu cầu ông Phan Văn P trả lại tài sản là 03 can dầu chạy máy; 10 bao phân bón tổng giá trị tài sản là 6.600.000đ và bồi thường thiệt hại tiền thuê trẹt 12.000.000đ.

- Ông Phan Văn P không đồng ý với yêu cầu của ông N.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn N, Luật sư Trần Tiến V trình bày: Việc sản xuất nông nghiệp là do địa phương

quản lý, ông P không có quyền gì ngăn cản việc ông N bơm nước vào ruộng của ông N để dẫn đến hai bên phát sinh tranh chấp, hơn nữa ông P lại tự ý kéo chiếc trẹt về nhà trên trẹt có tài sản của ông N, cho nên trách nhiệm của ông P phải hoàn trả lại tài sản cho ông N là 03 can dầu và 10 bao phân bón. Còn chiếc trẹt là của ông N thuê của Chau V, khi ông P kéo trẹt về tạm giữ gây thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp cũng như làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông N. Do đó, ông P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tiền thuê trẹt cho ông N là 12.000.000đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án: Yêu cầu của ông N về bồi thường thiệt hại tài sản do bị mất 03 can dầu và 10 bao phân bón, tổng giá trị tài sản 6.600.000đ và bồi thường thiệt hại về việc ông P tạm giữ trẹt của ông N trong vòng 04 tháng kể từ ngày 17/01/2018, có cơ sở chấp nhận một phần. Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Văn N, cư trú: Tổ 16, ấp A, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang và bị đơn ông Phan Văn P, cư trú: Tổ 19, ấp M, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang. Ông N khởi kiện tranh chấp đòi lại tài sản; bồi thường thiệt hại về tài sản, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, người đại diện theo ủy quyền ông Phan Th và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chau V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình tố tụng: Nguyên đơn ông N tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn P về việc yêu cầu đòi lại tài sản 01 máy bơm nước hiệu Vikino70. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.

[2] Về nội dung vụ án:

- Ông N yêu cầu ông P trả lại tài sản là 03 can dầu chạy máy; 10 bao phân bón, tổng giá trị tài sản là 6.600.000đ và bồi thường thiệt hại tiền thuê trẹt là 12.000.000đ.

- Xét về yêu cầu của ông N thấy rằng ngày 17/01/2018 ông P có hành vi kéo trẹt về tạm giữ. Việc này được ông P thừa nhận, nên xét về lỗi ông N không cần phải chứng minh.

- Xét về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Ông N cho rằng chiếc trẹt ông P tự ý kéo về là do ông thuê của ông V, giá thuê 3.000.000đ/tháng. Qua xác minh được ông Trần Văn H cho biết ông là chủ cơ sở làm dịch vụ cho thuê trẹt để chở máy cắt lúa, kéo lúa thuê và chở máy bơm nước… bình quân giá cho thuê giao động từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng tùy thời vụ và mục đích của người thuê để sử dụng. Do đó, việc ông N cho rằng thuê trẹt của ông V với giá 3.000.000đ/tháng là hoàn toàn phù hợp. Xét về lỗi, ông P là người tự ý kéo chiếc trẹt về nhà tạm giữ trong khi chưa có sự đồng ý thống nhất của chủ sở hữu, đã xâm phạm đến tài sản cá nhân người khác, hành vi gây thiệt hại của ông P thực tế đã xảy ra. Mặc dù, ông P cho rằng có kéo trẹt trả cho ông N nhưng ông N không đồng ý nhận lại trẹt nên bản thân không có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, ông P không chứng minh được bản thân đã có thiện chí giao trả lại tài sản cho ông N, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Trong thời gian ông P chiếm giữ chiếc trẹt đã gây thiệt hại trong sản xuất cho ông N. Do ông N đã phải thanh toán hết số tiền thuê trẹt cho ông Chau V trong thời gian ông P tạm giữ chiếc trẹt, tính từ ngày 17/01/2018 đến ngày ông P trả chiếc trẹt cho ông Chau V ngày 22/6/2018 là hơn 05 tháng nhưng ông N chỉ yêu cầu thanh toán đúng 04 tháng (vì ông N đã thanh toán tiền thuê trẹt cho ông V là 04 tháng) giá thuê 3.000.000đ/tháng x 04 = 12.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông N là có căn cứ và phù hợp tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 cần xem xét chấp nhận buộc ông Phan Văn P bồi thường thiệt hại tiền thuê trẹt là 12.000.000đ.

- Xét về yêu cầu đòi lại tài sản: Ông N cho rằng có tài sản là 10 bao phân bón và 03 can dầu chạy máy để trong hầm của chiếc trẹt khi ông Phú tự ý kéo trẹt về tạm giữ. Tòa án đã xác minh tại Công an xã C được ông Nguyễn Thành Tr cung cấp thông tin, ngày 17/01/2018 ông N có trình báo sự việc bị ông P lấy trẹt nhưng không trình báo về việc có tài sản để trong hầm trẹt là phân bón và dầu, nên Công an xã không nắm được thông tin về số tài sản ông N bị mất. Mặt khác, ông Ncung cấp người làm chứng là ông Chau Sô O thì được biết ông O chỉ đi nhờ trẹt còn trong hầm trẹt có tài sản hay không thì ông O cũng không biết. Ông N cho rằng bị mất tài sản, nhưng ông không chứng minh được. Tại phiên tòa hôm nay ông N cho rằng không trực tiếp thấy ông P lấy tài sản, nhưng theo cảm tính của ông thì người nào lấy trẹt thì người đó lấy tài sản, nay buộc đòi lại tài sản là không có cơ sở. Đồng thời ông N không có chứng cứ để xác định ông P đã lấy số phân bón và dầu. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy rằng mặc dù ông P có hành vi kéo trẹt về tạm giữ và việc ông N cho rằng bị mất tài sản có trong hầm trẹt nhưng không chứng minh được có người chứng kiến việc ông P

trực lấy tài sản. nên không làm phát sinh nghĩa vụ trả lại tài sản là 10 bao phân bón và 03 can dầu cho ông N căn cứ Điều 274 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh của đương sự khi yêu cầu thì phải có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản của ông N đối với ông P.

- Đối với bị đơn Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C do nguyên đơn đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chau V đã nhận lại chiếc trẹt và đã nhận đủ số tiền thuê trẹt từ ông N, nên không có ý kiến gì. nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 6.600.000đ không được Tòa án chấp nhận là 330.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ, nguyên đơn ông Lê Văn N được nhận lại số tiền 220.000đ theo biên lai thu số: TU/2016/0001582 ngày 31 tháng 5 năm 2018 và nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số TU/2016/0001647 ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, (hậu quả của việc đình chỉ về việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C).

Bị đơn Phan Văn P có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền mà ông N yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 584, 585 và Điều 589 của Luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc yêu cầu đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc yêu cầu đòi lại tài sản là 01 máy bơm nước hiệu Vikino70 đối với ông Phan Văn P.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N đối với số tiền bồi thường thiệt hại là tiền thuê trẹt 12.000.000đ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn N đối với tổng giá trị tài sản bị mất là 6.600.000đ gồm: 03 can dầu 1.350.000đ; 10 bao phân bón 05 bao phân Đạm Cà Mau 1.800.000đ; 05 bao phân DAP Philippine trắng sọc vàng 3.450.000đ.

- Buộc ông Phan Văn P có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn N 12.000.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bô luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Phan Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đ.

+ Nguyên đơn ông Lê Văn N phải chịu 330.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ, ông N được nhận lại số tiền 220.000đ theo biên lai thu số: TU/2016/0001582 ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

+ Nguyên đơn ông Lê Văn N nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số: TU/2016/0001647 ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ký tên đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu